

DI SẢN VĂN HOÁ Ở HÀ TÂY

và việc bảo tồn di sản văn hoá của tỉnh trong thời gian tới

ĐẶNG VĂN TU*

Tỉnh Hà Tây được hợp nhất từ hai tỉnh Hà Đông và Sơn Tây, diện tích 2.187,3 km², dân số 2.354.181 người (số liệu năm 1999). Xưa, tỉnh Hà Đông thuộc trấn Sơn Nam Thượng, Sơn Tây thuộc trấn Sơn Tây, còn gọi là xứ Đoài. Năm 1010, Lý Công Uẩn dời đô từ Hoa Lư ra Thăng Long, từ đó đến nay, Hà Tây luôn luôn gắn liền, là huyết mạch của Thăng Long, Đông Đô, Hà Nội. Phan Huy Chú gọi vùng đất này là "cái bình phong phen chắn của Trung đô, là kho tàng của nhà vua".

Về địa hình Hà Tây có vùng đồng bằng và đồi núi, giữa hai vùng đó là vùng bán sơn địa.

Vùng đồi núi nằm ở phía Tây, khởi phát từ núi Ba Vì. Trong tâm thức của người Việt, núi Ba Vì là chủ sơn, là núi Tổ, diện tích khoảng 7.000 ha, thuộc các xã Ba Vì, Minh Quang, Tân Dân và khu vườn Quốc gia Ba Vì hiện nay. Theo thư tịch cổ: "Núi này ở huyện Bất Bạt, phủ Quảng Oai, hình núi trông như cái tán nên gọi là Tán Viên, rộng rãi bao la, đứng cao hùng vĩ làm trấn sơn cho cả nước, cao 2.310 trượng (khoảng 1.280m), chu vi 18.605 trượng, hướng Tây có Đà giang chảy quanh". Từ núi Ba Vì trải sang phía Bắc, xuôi về phía Nam tạo thành địa hình bậc thềm chân núi Ba Vì.

Xung quanh núi Ba Vì là những đồi gò có dạng như bát úp gọi là *đồi gò núi sót*, với nhiều truyền thuyết về Sơn Tinh, Thủy Tinh phản ánh cuộc đấu tranh khắc phục thiên tai lũ lụt bảo vệ và xây dựng cuộc sống yên lành của ông cha ta trong buổi đầu dựng nước.

Cùng với những đồi núi sót ở chân núi Ba Vì, còn có những *cụm núi sót "Thập lục kỳ sơn"*. Đó là vùng núi đá vôi Sài Sơn - Tử Trầm ở Quốc

Oai, Chương Mỹ, gồm các đồi núi ở xã Hoàng Ngô, Sài Sơn, Phượng Cách, Yên Sơn (Quốc Oai), Vân Côn (Hoài Đức), Phụng Châu (Chương Mỹ)... Trong lòng và trên mặt những đồi núi sót này là những hang động, đình đền chùa nổi tiếng như chùa Thầy, chùa Trầm, chùa Trầm Gian, động Hoàng Xá...

Về phía Tây Nam của tỉnh là dãy núi đá vôi Hương Sơn chạy theo hướng Tây Bắc - Đông Nam dài trên 30 km, làm ranh giới giữa tỉnh Hoà Bình và Hà Tây, bắt đầu từ Miếu Môn xuống Mỹ Đức, vào chợ Bến (Hoà Bình), qua Hương Sơn. Ở dãy núi này, nước mưa đào lòng đá vôi thành nhiều hang động. Trong các hang động, trên trần thạch nhũ rủ xuống, gọi là vú đá, dưới đất mọc lên thành những măng đá, tạo ra những hình Phật, hình người, long, ly, quy, phượng, cùng với suối khe kỳ thú và rất nhiều sản vật thiên nhiên, đã tạo nên quần thể di tích thắng cảnh Hương Sơn nổi tiếng.

Ở giữa hai vùng địa hình trên là đất Sơn Tây, bậc thềm phù sa cổ, bậc màu, đá ong hoá. Trái bao thế hệ, người vùng này sinh cư lập nghiệp, lập nên những làng cổ nổi tiếng, như làng Đường Lâm một làng Việt cổ tiêu biểu của cả nước.

Chảy trên những vùng địa hình đó là: Sông Hồng, sông Đà, sông Đáy, sông Tích, sông Bùi, sông Nhuệ... để lại những lớp phù sa bồi đắp từ hàng vạn năm. Vùi lẫn trong lòng đất là nhiều di chỉ của các nền văn hoá Phùng Nguyên, Đông Sơn. Ven các dòng sông, còn lại nhiều sông đất tự nhiên do các con sông đã bồi lên trong các mùa lũ và sau đã bị cắt xẻ thành các đồi gò rải

* GIÁM ĐỐC SỞ VĂN HÓA - THÔNG TIN HÀ TÂY

rác, dân gian thường gọi là "Tam thai, ngũ nhạc", xếp thành dãy dài hai bên bờ sông như những con rồng uốn khúc. Đây là những nơi cao ráo để con người quần cư thành làng, xã từ thuở lập quốc, làm cho địa hình phía Nam của tỉnh vốn đã thấp lại bị bịt kín thành những ô trũng, những túi nước, rốn nước. Ngoài ra còn có nhiều khúc sông cạn đã thành hồ, đầm, có nơi ở tầm sâu hình thành những vĩa than bùn, như ở hầu hết các tầng sâu của vùng phù sa cổ.

Chính từ vùng đất, với những địa hình như trên, cha ông ta đã bám trụ, tạo dựng cuộc sống, vừa thích ứng, vừa chinh phục tự nhiên, sáng tạo văn hoá, để lại cho ngày nay một di sản văn hoá vô cùng đồ sộ, không dễ ở đâu cũng có được.

Về văn hoá phi vật thể, các thể loại *tự sự dân gian* có huyền thoại mà trước tiên phải kể đến hệ thống huyền thoại Sơn Tinh, Thủy Tinh. Đó là cuộc đấu tranh chế ngự lẫn nhau giữa vị thần núi (Sơn Tinh) với thần nước (Thủy Tinh), phản ánh cuộc sống vô cùng gian khổ, ác liệt, thể hiện khí phách và bản lĩnh của ông cha ta nhằm khắc phục những hiểm hoạ thiên tai lũ lụt thường xuyên phải gánh chịu.

Ngoài hệ thống huyền thoại, còn có nhiều truyền thuyết về những nhân vật thời hoang sơ như ông Đùng, bà Đà, về các vị Thánh được tôn thờ ở các di tích, những truyền thuyết về Hai Bà Trưng và các tướng lĩnh của Hai Bà trong buổi đầu công nguyên chống quân xâm lược nhà Hán, cùng với nhiều truyền thuyết khác về các vị anh hùng đấu tranh bảo vệ chủ quyền, độc lập, tự chủ của dân tộc.

Hà Tây cũng có nhiều truyện cổ tích. Có thể kể đến những truyện kể về Chử Đồng Tử - Tiên Dung hay sự tích Bãi Tự Nhiên. Những truyện kể về Từ Đạo Hạnh, về Quận Cổ, Đốc Ngũ...

Truyện cười dân gian Hà Tây đã góp phần làm phong phú kho tàng tiểu lâm của cả nước. Phương ngôn ở vùng Đan Phượng có câu "Đại Phùng nói phét tứ thời", là chỉ tài đặt chuyện, kể chuyện mang tính hài hước vui cười mà sâu sắc của người Đại Phùng. Ngoài ra còn có những truyện về Ba Giai - Tú Xuất, những truyện đả kích hóm hỉnh về thói hư tật xấu trong đời sống ở các làng quê, đả phá các tầng lớp thống trị thời quân chủ.

Các loại hình khác như tục ngữ, ca dao, dân ca, vè... có thể nói ở đâu cũng có. Riêng về dân

ca mang đặc trưng của Hà Tây phải kể đến hát Đô gắn với hội Đô ở Liệp Tuyết, Quốc Oai; hát Chèo tàu và hội Chèo tàu ở xã Tân Hội, huyện Đan Phượng; hò cửa đình và lễ hội tháng 8 gắn với tục thi bơi chải ở Phú Nhiêu, Phú Xuyên. Ngoài ra còn các loại dân ca trữ tình như hát ví, hát trống quân ở lưu vực sông Đáy, sông Nhuệ và ở nhiều làng quê; hát ca trù ở Thanh Oai, Chương Mỹ, Hoài Đức, Thường Tín...

Sân khấu dân gian có nghệ thuật chèo truyền thống, gọi là chèo Đoài; múa rối nước, múa rối cạn ở Bình Phú, Chàng Sơn, Sài Sơn, Tế Tiêu...

Nói đến di sản văn hoá Hà Tây, không thể không nói đến văn hoá làng nghề. Theo thống kê, hiện nay Hà Tây có 1.600 làng có nghề, trong đó có 201 làng được Uỷ ban nhân dân tỉnh ra quyết định công nhận là làng nghề. Ở những làng nghề nhân dân sống chủ yếu bằng nghề, sản phẩm của làng nghề không còn mang tính tự cung tự cấp mà trở thành sản phẩm hàng hoá; nghề, tác động đến đời sống văn hoá tinh thần, tạo thành nếp sống của làng.

Nghề thủ công ở Hà Tây ra đời từ rất sớm. Nghề trồng dâu, chăn tằm dệt lụa, theo truyền thuyết có từ thời Hùng Vương ở một số làng ven sông Hồng, sông Đáy. Đó là các làng Cổ Đô, La Phẩm ở Ba Vi. Người có công phát hiện, dạy cho làng Cổ Đô biết trồng dâu, nuôi tằm dệt lụa là Hoàng Phủ Thiệu Hoa. Từ xưa lụa Cổ Đô đã rất nổi tiếng:

Lụa này là lụa Cổ Đô

Chính tông lụa cống các cô ưa dùng

Ở phía Nam của tỉnh, nhiều làng thuộc Ứng Hoà, Mỹ Đức, Đan Phượng, thị xã Hà Đông cũng có nghề trồng dâu nuôi tằm, dệt vải, lụa, như các làng Hoà Xá, Đốc Tín, Trinh Tiết, Phú Lưu Tế, Vạn Phúc, La Khê và các làng La của Hoài Đức. Các làng La Khê, La Cả, Vạn Phúc còn dệt được the, gấm, đoạn, sản phẩm ngày một tinh xảo có mặt ở thị trường trong nước và nước ngoài. Chợ Hà Đông xưa gọi là chợ Đơ, đã nổi tiếng là chợ tơ, lụa nên còn gọi là chợ Tơ. Phố Hàng Ngang, Hàng Đào Hà Nội có rất nhiều cửa hàng bán lụa, gấm, nhiễu, đoạn của các làng La, Mỗ, Vạn Phúc ở Hà Đông.

Cùng với trồng dâu, nuôi tằm, dệt tơ lụa, Hà Tây còn có nhiều làng nghề với những sản phẩm nổi tiếng. Làng Nhị Khê, huyện Thường Tín chuyên nghề tiện, làng Bình Vọng có nghề

sơn mài, làng Quất Động có nghề thêu, làng Chuôn Ngọ có nghề khảm trai, chạm gỗ; làng Phú Vinh, Ninh Sở có nghề đan mây tre, làng Chuông làm nón, làng Đa Sĩ có nghề rèn. Chế biến thực phẩm có giò chả Tân Ước, Ước Lễ, bún Bật, tương Cự Đà, thịt cây Đông Lỗ... Các sản phẩm nghề và làng nghề của Hà Tây xưa lấy 36 phố phường Hà Nội là nơi tiêu thụ. Nhiều hàng-hoá, làng-nghề-do thích-ứng-được-với-thị trường nên đã định cư ở Hà Nội, đã tác động, kích thích các làng nghề ở Hà Tây phát triển.

Những làng nghề ở Hà Tây, hiểu theo nghĩa rộng cũng là những làng văn, với ý nghĩa đầy đủ của từ này, tạo nên nét bản sắc văn hoá làng nghề. Văn hoá làng nghề ở Hà Tây là một nét độc đáo của sự phát triển bách nghệ, là một biểu hiện của văn minh khai sáng, gắn liền với sự phát triển của dân tộc.

Đồng thời với các loại hình văn hoá phi vật thể, Hà Tây còn có nhiều di sản vật thể di tích rất phong phú và đồ sộ. Đó là những di tích lịch sử văn hoá, danh lam thắng cảnh nổi tiếng. Toàn tỉnh có 2.388 di tích, trong đó có gần 400 di tích được Bộ Văn hoá - Thông tin công nhận, hơn 400 di tích được Ủy ban nhân dân tỉnh ra quyết định bảo vệ. Có 12 di tích được Bộ Văn hoá - Thông tin xếp loại đặc biệt quan trọng. Tính trung bình cứ 1 km², 1.000 người dân có một di tích. Có người nói Hà Tây là "vương quốc" của di tích.

Nhiều ngôi chùa có từ thời Lý, rồi được trùng tu sửa chữa vào các thời kỳ sau như chùa Thầy, chùa Bối Khê, chùa Đậu, chùa Mía... Về kiến trúc đình làng, có những ngôi được xây dựng vào loại sớm ở Việt Nam như đình Thụy Phiêu ở Thụy An, Ba Vì được xây dựng vào nửa đầu thế kỷ XVI. Đình Tây Đằng và đình Thanh Lũng cũng được xây dựng ở thế kỷ XVI.

Di tích Hà Tây độc đáo, mang yếu tố văn hoá bản địa, mang giá trị nghệ thuật kiến trúc, điêu khắc với các chất liệu gỗ, đá, đất nung..., có di tích được xem là tiêu biểu cho kiến trúc cổ Việt Nam. Những cây cột bằng gỗ ngọc am gần 1.000 năm tuổi cùng với hệ thống vì kèo, bệ đá bách hoa đài và cảnh quan thiên nhiên độc đáo ở chùa Thầy; các bộ vì kèo chạm rồng, hoa văn, bệ đá chạm những con giống niên đại Trần ở chùa Bối Khê; gạch đất nung, các con rồng đá thời Mạc, hai pho tượng ướp xác ở chùa Đậu; hệ thống tượng tổ truyền đăng chùa Tây Phương;

nghệ thuật chạm khắc tinh xảo trong kiến trúc đình làng được xem như những bảo tàng tại chỗ như ở các ngôi đình Tây Đằng, Chu Quyến, Liên Hiệp, Đại Phùng ... cùng rất nhiều giá trị văn hoá nghệ thuật khác, đã tạo nên nét đặc sắc của di tích Hà Tây.

Nói đến di tích Hà Tây còn phải kể đến các di tích thời Mạc rất hiếm quý, được bảo tồn tương đối nguyên vẹn ở Hà Tây như đền Và, chùa Mui... và nhiều quán Đạo giáo, đền xen với Phật giáo trong hệ thống Đan Sơn tứ quán (quán Linh Tiên, quán Lão Quân, quán Thiên Dương, quán Diêm Xá) nằm giữa vùng đất của huyện Đan Phượng, Hoài Đức, bên các con sông Đáy, sông Hồng, sông Nhuệ. Quán Hưng Thánh nằm cách sông Hồng chỉ vài km, quán Lâm Dương nằm ngay bên bờ sông Nhuệ, Đình Văn quán nằm trên cù lao Đỗ Động Giang, cách đó vài km đường chim bay là quán Hội Linh. Quán Yên Nhân nằm kẹp bởi hai con sông Tích và sông Đáy. Có lẽ là do phong cảnh nơi đây ư tịch, rất hợp với phong khí Lão - Trang...

Nói đến di tích Hà Tây cũng phải kể đến các làng cổ, như làng Đường Lâm, làng Nhị Khê, ở đó ngoài những di tích đình, chùa, đền, miếu, nhà thờ họ còn có rất nhiều ngôi nhà cổ được xây dựng hàng trăm năm, có những ngôi nhà đã hơn 300 năm tuổi. Tô điểm cho các làng quê là những cổng làng, có giá trị tuổi đã trăm năm, hàm chứa triết lý nhân sinh mang ý nghĩa nhân bản; những cây cổ thụ quý, có cây cả nghìn năm tuổi, đó là những sự kết tinh, hài hoà, sản phẩm của Trời - Đất - Con người, tất cả đã tạo nên bản sắc, sức sống của văn hoá làng, để rồi trong tiến trình lịch sử, có thời kỳ chúng ta bị mất nước, nhưng không mất làng.

Các di tích lịch sử văn hoá ở Hà Tây cũng là nơi hoạt động tín ngưỡng tôn giáo tâm linh, tôn vinh các giá trị văn hoá, các bậc anh hùng dân tộc, như Sơn Tinh và các vị thần Tứ bất tử; các vua Hùng và các bộ tướng thời Hùng Vương; Hai Bà Trưng và các anh hùng dân tộc Phùng Hưng, Ngô Quyền, Nguyễn Trãi... là nguồn tư liệu phong phú, giúp cho việc nghiên cứu tìm hiểu về văn hoá dân tộc.

Di tích ở Hà Tây là nơi diễn ra các lễ hội truyền thống, nơi lưu truyền, bảo tồn, phát huy các giá trị văn hoá dân tộc. Nhiều lễ hội lớn và sự nở rộ hội làng, là một nét đặc trưng văn hoá truyền thống của Hà Tây.

Hàng năm Hà Tây có đến hơn 700 lễ hội, từ hội làng, hội vùng, đến lễ hội có quy mô cả nước, như hội chùa Hương. Hội vùng, có hội chùa Thầy với những nghi thức thờ thiên sư Từ Đạo Hạnh. Hội chùa Tây Phương, hội đền Và thờ đức Thánh Tản, hội chùa Bối Khê, Trăm Gian thờ đức Thánh Nguyễn Bình An. Hội đền Lộ thờ tứ vị Thánh nương...

Nhiều lễ hội khác diễn lại các hèm liên quan đến tín ngưỡng cổ. Hội làng Vân Sa có trò *chiêng tứ dân lạc nghiệp* tổ chức *rước kén* và *cướp kén*; hội làng Miêng Hạ diễn trò *ội ại* tất đèn *giăng bông*; hội làng Sơn Đồng diễn trò *cướp bông*, thi *bánh dày*, *bánh cuốn*, hội Giã La làng La Cả có tục tất đèn đêm giã đám... phản ánh tín ngưỡng phổ biến của người Việt cổ.

Hội làng Giá có trò *nghiêm quân* ánh xạ tín ngưỡng thờ mặt trời. Hội làng Hạ Thái kỷ niệm nữ thần tự nguyện hiến mình cho hổ liên quan đến tục hiến sinh thời cổ. Hội làng Đục Khê, Yến Vĩ (Hương Sơn) và Tổng Phùng có tục ném đá cầu mùa. Hội làng Bình Đà rước bánh vía, hội đền Hát Môn thả bánh trôi nước, hội rước nước đền Dâm... ánh xạ tín ngưỡng cầu nước của cư dân nông nghiệp trồng lúa nước.

Người Hà Tây trong không khí hội hè, tìm thấy bóng dáng lịch sử hào hùng của quê hương đất nước, những vẻ đẹp tinh thần và vật chất kết tinh trí tuệ, tài năng sáng tạo nghệ thuật của ông cha, nhờ đó hội hè góp phần bồi bổ tư tưởng, tình cảm cho mỗi người dân ở làng hướng về cội nguồn tiên tổ, vươn tới những điều tốt đẹp của cuộc sống hôm nay và mai sau.

Hà Tây đất địa linh nhân kiệt, sản sinh nhiều bậc danh nhân làm rạng rỡ quê hương, đất nước.

Hồi đầu công nguyên, theo truyền thuyết, Hà Tây có bà Man Thiện và hai người con là Trưng Trắc và Trưng Nhị, là hai bậc anh thư nữ kiệt. Khởi đầu cho truyền thống "Anh hùng bất khuất, trung hậu đảm đang" của phụ nữ Việt Nam.

Sau Hai Bà Trưng, tại làng Đường Lâm của Hà Tây có Phùng Hưng, Ngô Quyền, các ông không chỉ làm vua mà còn là các bậc anh hùng dân tộc, đem lại nền độc lập, tự chủ cho đất nước. Phùng Hưng chấm dứt ách đô hộ của nhà Đường được suy tôn là Bố Cái đại vương - cha mẹ dân. Ngô Quyền là người anh hùng dân tộc mở nền tự chủ đưa nước ta thoát khỏi ách đô hộ

nghìn năm của phong kiến Trung Quốc.

Trong lịch sử khoa bảng từ khi nhà Lý mở khoa thi đầu tiên tại Văn Miếu - Quốc Tử Giám năm 1076 đến khoa thi cuối cùng năm 1919 kết thúc chế độ khoa cử Nho học Việt Nam, cả nước có 2.898 vị tiến sĩ, riêng Hà Tây có tới 338 vị, chiếm 11,6%. Nhiều vị chẳng những được khắc tên vào bia đá, lưu danh sử sách, mà còn được nhân dân truyền tụng, tôn vinh là các danh nhân như: Nguyễn Phi Khanh, Nguyễn Trãi, Ngô Sĩ Liên, Nguyễn Trục, Phùng Khắc Khoan, Nguyễn Sư Mạnh, Nguyễn Bá Lân, Ngô Thi Nhậm, Ngô Thi Sĩ, Đặng Huấn, Đặng Đình Tướng, Đặng Tiến Đông, Dương Bá Cung, Phan Huy Ích, Phan Huy Chú, Nguyễn Thượng Hiền, Nguyễn Thượng Phiến, Vũ Phạm Hàm, Tản Đà, Nguyễn Tử Siêu... Trong lịch sử khoa bảng có trường hợp cha con cùng đỗ tiến sĩ như Nguyễn Phi Khanh, Nguyễn Trãi; cha là Ngô Hoan, hai con là Ngô Hoàng, Ngô Ước; cha Nguyễn Trí Quảng, con Nguyễn Viết Thứ; cha con Trần Khải, Trần Phi; cha con Nguyễn Thượng Phiến, Nguyễn Thượng Hiền. Có dòng họ kế tiếp ba đời đỗ tiến sĩ như dòng họ Tạ ở Đan Phượng: Tạ Đăng Vọng đỗ tiến sĩ năm 1638, con là Tạ Đăng Huân đỗ tiến sĩ năm 1700, cháu nội Tạ Đăng Đạo đỗ tiến sĩ năm 1760. Làng Canh Hoạch, làng duy nhất của cả nước có hai vị đỗ Trạng Nguyên lại là hai cậu cháu, gọi là trạng cậu, trạng cháu là Nguyễn Đức Lượng (1514), Nguyễn Thiến (1532). Họ Đặng ở Lương Xá, Chương Mỹ cũng có nhiều người đỗ đạt, làm quan, nên nhân dân thường truyền tụng:

Bao giờ chợ Chúc hết người

Vực Ninh hết nước Đặng thời hết quan

Có những làng khoa bảng như làng Chi Nê (Chương Mỹ) có 11 vị đỗ tiến sĩ, làng Vân Canh có 10 vị đỗ tiến sĩ. Làng Đa Sĩ cũng có nhiều người đỗ tiến sĩ nên tên làng vốn là Đan Sĩ (chỉ làng làm thuốc) được gọi là làng Đa Sĩ (làng có nhiều người đỗ tiến sĩ).

Có làng, có gia đình 5 cha con đều bị tù đầy, hy sinh cho sự nghiệp chống Pháp vì quyền độc lập của đất nước, bảo vệ giống nòi như gia đình cụ Lương Văn Can ở Nhị Khê, Thường Tín.

Các bậc danh nhân người Hà Tây xuất thân ở những hoàn cảnh khác nhau, nhưng đều có phẩm chất của sĩ phu mang truyền thống văn hiến Bắc Hà, có những đóng góp tích cực trong lịch sử dựng nước và giữ nước của dân tộc. Điều

đặc biệt là, trong số các vị thần tứ bất tử của cả nước như Tản Viên Sơn Thánh, Thánh Dóng, Chử Đồng Tử và mẫu Liễu Hạnh, thì Hà Tây có hai vị là Tản Viên Sơn Thánh và Chử Đồng Tử. Điều đó cũng khẳng định tính trội vượt trong tâm thức của người Việt về các bậc anh linh của dân tộc ở vùng đất này.

Trên đây là một số nét về di sản văn hoá của Hà Tây. Được thừa kế một di sản văn hoá rất đa dạng, phong phú, đồ sộ như vậy, là niềm vinh dự tự hào và cũng là trách nhiệm hết sức nặng nề của những người làm công tác văn hoá thông tin Hà Tây. Thực hiện Nghị quyết Trung ương 5 (khoá VIII), Kết luận Hội nghị Trung ương 10 (khoá IX) về xây dựng và phát triển nền văn hoá Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc; để cho văn hoá cùng với phát triển kinh tế, xây dựng Đảng phải trở thành ba cột trụ vững vàng trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc hiện nay, đối với Hà Tây, phát triển văn hoá phải bắt đầu từ bảo tồn phát huy di sản văn hoá dân tộc.

Trong thời gian vừa qua Hà Tây đã đạt được những kết quả rất quan trọng trong việc bảo tồn di sản văn hoá. Nhiều di tích đặc biệt quan trọng và các di tích lớn như chùa Tây Phương, chùa Thầy, chùa Mía, đình Tây Đằng, đình Tường Phiêu, chùa Đậu, chùa Mui, chùa Bối Khê, đình Mông Phụ, thành cổ Sơn Tây, đền Hát Môn đã và đang được bảo tồn, tu bổ, tôn tạo cơ bản. Hàng trăm di tích khác cũng đã được tu bổ từ chương trình mục tiêu về di tích của Bộ Văn hoá - Thông tin và đầu tư chống xuống cấp di tích của tỉnh cùng với sự huy động nguồn lực của nhân dân. Sở Văn hoá - Thông tin đã hoàn thành các dự án quy hoạch tổng thể bảo tồn, tu bổ, tôn tạo, phát huy di tích của tỉnh đến năm 2020. Đối với chùa Hương, Sở Văn hoá - Thông tin cũng đã hoàn thành lập một dự án riêng: Quy hoạch tổng thể, bảo tồn, tôn tạo, phát huy quần thể di tích thắng cảnh Hương Sơn đến năm 2020. Trước đó, được sự chỉ đạo của Bộ Văn hoá - Thông tin, tỉnh Hà Tây đã giải quyết dứt điểm việc xây dựng trái phép ở chùa Hương - một tồn tại có tính chất lịch sử từ những năm 60 của thế kỷ trước - Việc quản lý và tổ chức lễ hội ở chùa Hương cũng có nhiều tiến bộ, được dư luận hoan nghênh.

Hàng năm ngành Văn hoá - Thông tin đầu tư cho công tác sưu tầm, nghiên cứu, tổ chức nhiều

cuộc hội thảo, xuất bản được nhiều công trình nhằm bảo lưu di sản văn hoá dân tộc như: Tục ngữ ca dao dân ca Hà Tây, hát Dô, hát chèo tàu, Truyện cổ, Danh nhân quê hương, Địa chí, Làng văn làng nghề, Lễ hội truyền thống, các công trình nghiên cứu chuyên đề về các danh nhân: Tô Hiến Thành, Nguyễn Trãi, Ngô Sĩ Liên, Phùng Khắc Khoan..., về các địa danh văn hoá như chùa Hương, Sơn Tinh và vùng văn hoá cổ Ba Vì, làng Việt cổ Đường Lâm, người Hà Tây trong làng khoa bảng, tuyển tập văn bia, hương ước cổ. Nhiều huyện đã và đang đầu tư biên soạn, xuất bản các công trình địa chí huyện: Chương Mỹ xưa và nay, Thường Tín đất danh hương, Địa chí huyện Thạch Thất, Vùng đất con người thị xã Hà Đông... Nhiều chuyên đề bảo tồn di sản văn hoá phi vật thể đã được thực hiện: Hội Giã La, lễ hội đền Và, hát chèo tàu, làng Thêu Quất Động... Đã phối hợp với Cục Di sản văn hoá, Viện Nghiên cứu Kiến trúc điều tra khảo sát, đo vẽ đưa vào danh mục bảo tồn hàng trăm ngôi nhà cổ, tổ chức các cuộc triển lãm chuyên đề bảo tồn công làng truyền thống, cây cổ thụ. Và hiện đang trình Bộ Văn hoá - Thông tin xếp hạng làng cổ ở Đường Lâm làm cơ sở cho việc bảo tồn và phát huy làng cổ có giá trị nhiều mặt này.

Những công việc trên là rất đáng trân trọng và đáng được ghi nhận, nhưng so với công việc cần phải làm thì còn rất hạn chế, trước mắt đang đặt ra rất nhiều công việc nặng nề, đòi hỏi cần phải được quan tâm đầu tư về nguồn lực, sự chỉ đạo tập trung, thái độ ứng xử nghiêm túc, khoa học với tinh thần trân trọng di sản văn hoá vô cùng quý giá của ông cha để lại.

Chuẩn bị cho Đại hội tỉnh Đảng bộ Hà Tây lần thứ XIV, Tỉnh uỷ Hà Tây xác định phải xây dựng Hà Tây trở thành một tỉnh tiên tiến trong các tỉnh trọng điểm kinh tế phía Bắc. Ngành Văn hoá - Thông tin nhận thức rằng, văn hoá phải góp phần quan trọng để thực hiện mục tiêu đó. Làm tốt bảo tồn di sản văn hoá dân tộc sẽ là điều kiện tốt phục vụ cho phát triển văn hoá du lịch được xác định là mũi nhọn trong phát triển kinh tế góp phần chuyển đổi cơ cấu kinh tế của tỉnh. Trong rất nhiều công việc phải làm, đây là một trong những nhiệm vụ lớn của ngành Văn hoá - Thông tin Hà Tây trong thời gian tới./.